TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05-11-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Phạm Quốc Tuấn;

2. Bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Cụm dân cư T, thôn V, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Trần Văn B là tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/3/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Sau khi kết hôn, do bố mẹ anh B đều đã chết trước khi vợ chồng lấy nhau nên vợ chồng sinh sống cùng nhà với hai dì của anh B là bà Trương Thị C và bà Trương Thị L (đều không có chồng con). Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh

phúc được khoảng hơn 01 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do sau khi sinh con, chị Nguyệt phải ở nhà chăm sóc con nhỏ nhưng anh B không chịu lao động, sợ đi làm xa vất vả, bị người khác lừa nên anh B ở nhà chơi vì thế kinh tế khó khăn vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Anh B còn cấm đoán, khoá cổng không cho chị ra ngoài tiếp xúc với mọi người, không cho chị về nhà bố mẹ đẻ. Đến tháng 9/2014, chị N thấy không thể tiếp tục chung sống với anh B được nữa nên đã bế con nhỏ bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- *Về con chung:* Chị N xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 13/5/2014, do chị đang nuôi dưỡng. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác:* Chị N không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

Toà án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Văn B; tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh Bình đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được vụ án.

** Tại phiên toà:*

- Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Văn B. Đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị Bảo N, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị N và anh B theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung: Đề nghị

giao cháu N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị N cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Trần Văn B không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt anh B theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn B là tự nguyện, hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam vào ngày 21/3/2013.

Chị Nguyệt cho rằng: Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày, do bất đồng về kinh tế, tiền bạc; anh B không quan tâm tới vợ con, cấm đoán chị giao tiếp, tiếp xúc với mọi người. Đến tháng 9/2014, chị N đã bế con về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau.

Kết quả xác minh của Toà án tại địa phương và nơi cư trú của anh B xác định, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do anh B cấm đoán, không cho chị N về nhà bố mẹ đẻ chị, nên vợ chồng cãi nhau, chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2014 và ly thân với anh B cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh B không hợp tác làm việc, không tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N, anh B có 01 con chung là cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 13/5/2014 do chị N đang nuôi dưỡng. Chị N đề nghị được tiếp tục nuôi

dưỡng con chung cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được nuôi con của chị N là chính đáng, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Ngọc ở với mẹ cuộc sống ổn định, hiện chị N đang làm công nhân tại Công ty TNHH may Q, địa chỉ: xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam, có thu nhập trung bình 7.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chung chưa thành niên khi vợ chồng ly hôn; anh B không quan tâm, chăm sóc con chung và cũng không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 13/5/2014 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các

thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0003498 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc Huy